TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Ông Phan Công Rô

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim P, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1987 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Triệu Quốc T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1982 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp K, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Kim P trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Triệu Quốc T chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian chung sống, chị và anh Triệu Quốc T có 02 người con

chung tên: Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008, hiện nay đang sống với anh chị. Về tài sản chung, chị và anh Triệu Quốc T không có tài sản chung và nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Triệu Quốc T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh chị sống chung không hợp nhau, thường xuyên anh Triệu Quốc T đi chơi, ăn nhậu về nhà chị khuyên can thì xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau nhưng đến không dung hòa với nhau được, mặc dù cả hai anh chị cũng tạo rất nhiều cơ hội để hòa hợp, đến nay đều không mang lại kết quả tốt đẹp, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2025 đến nay, từ khi ly anh chị ly thân đến nay anh chị không liên lạc với chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Quốc T; Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị đồng ý giao 02 người con chung tên: Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008 cho anh Triệu Quốc T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị và chị không cấp dưỡng nuôi con, mặc dù đã được Tòa án giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ, không có và chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tố tụng và đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 11 tháng 12 năm 2025, bị đơn anh Triệu Quốc T trình bày như sau*:

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Nguyễn Kim P trình bày trên là đúng. Anh và chị Nguyễn Kim P chung sống với nhau vào năm 2006, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11 tháng 7 năm 2007, anh và chị Nguyễn Kim P chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 01 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh đi chơi với bạn bè chị nguyễn Kim P không cho, có cãi vã với nhau; chị Nguyễn Kim P đi về quê, anh không cho và có nói nếu Nguyễn Kim P về thì ly hôn luôn đi, từ đó đến nay anh và Nguyễn Kim P sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Kim P có 02 người con chung tên: Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008, hiện nay các con của anh chị cũng đã trưởng thành; về tài sản chung và nợ, anh và chị Nguyễn Kim P không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Nay về quan hệ hôn nhân, anh thấy anh và chị Nguyễn Kim P không có mâu thuẫn gì lớn, anh chưa đồng ý

ly hôn với chị Nguyễn Kim P, trường hợp Nguyễn Kim P cương quyết ly hôn với anh thì anh không yêu cầu giải quyết gì, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại Tờ thể hiện nguyện vọng ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008 như sau*:

Triệu Quốc T1 và Triệu Kim T2 là con của anh Triệu Quốc T và chị Nguyễn Kim P, từ trước đến nay Triệu Quốc T1 và Triệu Kim T2 chung sống với cha mẹ, sau khi cha mẹ của Triệu Quốc T1 và Triệu Kim T2 ly hôn, Triệu Quốc T1 và Triệu Kim T2 có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Nguyễn Kim P.

** Tại Biên bản xác minh ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T xác lập hôn nhân, sinh sống và làm việc tại ấp K, xã V, tỉnh An Giang; anh Triệu Quốc T và chị Nguyễn Kim P sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn thì không nắm rõ; anh Triệu Quốc T và chị Nguyễn Kim P có 02 người con chung tên Triệu Quốc T1 và Triệu Kim T2, hiện nay đang sống chung với anh chị.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Triệu Quốc T và căn cước tên Triệu Quốc T (Bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn Triệu Quốc T và Triệu Quốc T số: 92, Quyển số: 01/2007 ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Giấy khai sinh Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 (Bản phô tô); Giấy khai sinh Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008 (Bản sao); Đơn xin xác nhận ngày 15 tháng 7 năm 2025 của chị Nguyễn Kim P (Bản chính); Đơn xin trình bày nguyện vọng ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Triệu Quốc T1 và Triệu Kim T2 (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kim P yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Quốc T. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu giao 02 người con chung tên: Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008 cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Triệu Quốc T không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và chị cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Triệu Quốc T thừa nhận, thời gian trước đây chung sống với chị Nguyễn Kim P, anh có nhiều lần đánh chị Nguyễn Kim P, nguyên nhân mâu thuẫn như chị Nguyễn Kim P trình bày, anh không đồng ý lý hôn, nhiều lần anh yêu cầu được đoàn tụ nhưng chị Nguyễn Kim P không đồng ý, không chịu gặp mặt anh, khi anh có uống rượu gọi điện nói chuyện với chị Nguyễn Kim P thì chị Nguyễn Kim P không nghe máy, trường hợp chị Nguyễn Kim P cương quyết ly hôn, anh không yêu cầu giải quyết gì. Về quan hệ con chung anh đồng ý theo nguyện vọng của các con của anh chị, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Kim P yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Quốc T và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Kim P được ly hôn với anh Triệu Quốc T. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao các người con chung của anh chị cho chị Nguyễn Kim P tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Kim P không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Kim P yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Triệu Quốc T và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp K, xã V, tỉnh An Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi các bên đương sự tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thành, Tòa án để cho các đương sự có thời gian đoàn tụ, nhưng chị Nguyễn Kim P tiếp tục gửi đơn yêu cầu sớm giải quyết cho chị được ly

hôn với anh Triệu Quốc T. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có mặt, Hội đồng xét xử, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 92, quyển số: 01/2007 ngày 11 tháng 7 năm 2007, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Nguyễn Kim P yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Quốc T, quá trình chung sống chị và anh Triệu Quốc T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân anh chị sống chung không hợp nhau, thường xuyên anh Triệu Quốc T đi chơi, ăn nhậu về nhà chị khuyên can thì xảy ra cự cãi bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau nhưng đến không dung hòa với nhau được, mặc dù cả hai anh chị cũng tạo rất nhiều cơ hội để hòa hợp, đến nay đều không mang lại kết quả tốt đẹp, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2025 đến nay, từ khi anh chị ly thân đến nay không có liên lạc với nhau; anh Triệu Quốc T thừa nhận, thời gian trước đây chung sống với chị Nguyễn Kim P, anh có nhiều lần đánh chị Nguyễn Kim P, nguyên nhân mâu thuẫn như chị Nguyễn Kim P trình bày, anh không đồng ý lý hôn, nhiều lần anh yêu cầu được đoàn tụ nhưng chị Nguyễn Kim P không đồng ý, không chịu gặp mặt anh, khi anh có uống rượu gọi điện nói chuyện với chị Nguyễn Kim P thì không nghe máy, chị Nguyễn Kim P cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không yêu cầu giải quyết gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, thời gian chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn cách nay 05 năm, dẫn đến anh chị sống ly thân, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau từ tháng 01 năm 2025 đến nay là một thời gian dài mà anh chị không có biện pháp hàn gắn, để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án đã được hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị Nguyễn Kim P cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Quốc T, tiếp tục gửi đơn yêu cầu giải quyết sớm cho chị được ly hôn với anh Triệu

Quốc T. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim P, cho chị Nguyễn Kim P được ly hôn với anh Triệu Quốc T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T có 02 người con chung tên: Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008, từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Nguyễn Kim P. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, đây là xuất phát từ tình thương của cha mẹ giành cho các con, nhưng xét về quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T đều có quyền nuôi dưỡng các con chung của anh chị ngang nhau, nhưng các con của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với chị Nguyễn Kim P, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, có nguyện vọng chung sống với chị Nguyễn Kim P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của chị Nguyễn Kim P và nguyện vọng của các con anh chị, giao các người con chung của anh chị tên: Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008 cho chị Nguyễn Kim P được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Kim P không yêu cầu anh Triệu Quốc Trung cấp D nuôi con, đồng thời anh Triệu Quốc T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu

cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Kim P được ly hôn với anh Triệu Quốc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 người con chung của anh chị tên: Triệu Quốc T1, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Triệu Kim T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2008 cho chị Nguyễn Kim P được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị và hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Kim P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Kim P không yêu cầu anh Triệu Quốc Trung cấp D nuôi con, đồng thời anh Triệu Quốc T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Kim P và anh Triệu Quốc T tự xác định, anh chị không có tài sản chung, anh chị không có nợ người khác, người

khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007166 (Ký hiệu: BLTU/25E) ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Kim P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30 tháng 01 năm 2026.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- UBND xã TL, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo